Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5906.99.90

Mã HS	5906.99.90
Mô tả hàng hóa	Vải dệt cao su hóa, trừ các loại thuộc nhóm 59.02 / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	02/11/2026 07:22:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/59069990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9038
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9038
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9038
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8620
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8575
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8575
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8575
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8575
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8575
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8575
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E8625
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8625

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8625
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8625
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8625
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8625
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8626
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8626
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8626
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8626
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8626
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8626
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8627
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8581
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F8587
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G8587
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H8587
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I8587
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J8587
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K8587
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8610
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8610
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8610
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8610
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8610
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8610
VCFTA	2022	2022	0	VC!D8657
VCFTA	2023	2023	0	VC!E8657

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8657
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8657
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8657
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8657
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8637
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8637
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8637
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8637
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8637
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8637
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D8650
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E8650
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F8650
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G8650
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H8650
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8650
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8654
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8654
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8654
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8654
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8654
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8654
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8653
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8653
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8653
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8653

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8653
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8653
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8605
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8605
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8605
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8605
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8605
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8605
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8605
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8642
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8642
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8642
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8642
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8642
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8642
RCEP B	2022	2022	0	B!D8642
RCEP B	2023	2023	0	B!E8642
RCEP B	2024	2024	0	B!F8642
RCEP B	2025	2025	0	B!G8642
RCEP B	2026	2026	0	B!H8642
RCEP B	2027	2027	0	B!I8642
RCEP C	2022	2022	0	C!D8642
RCEP C	2023	2023	0	C!E8642
RCEP C	2024	2024	0	C!F8642
RCEP C	2025	2025	0	C!G8642
RCEP C	2026	2026	0	C!H8642

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I8642
RCEP D	2022	2022	0	D!D8641
RCEP D	2023	2023	0	D!E8641
RCEP D	2024	2024	0	D!F8641
RCEP D	2025	2025	0	D!G8641
RCEP D	2026	2026	0	D!H8641
RCEP D	2027	2027	0	D!I8641
RCEP E	2022	2022	0	E!D8645
RCEP E	2023	2023	0	E!E8645
RCEP E	2024	2024	0	E!F8645
RCEP E	2025	2025	0	E!G8645
RCEP E	2026	2026	0	E!H8645
RCEP E	2027	2027	0	E!I8645
RCEP F	2022	2022	0	F!D8642
RCEP F	2023	2023	0	F!E8642
RCEP F	2024	2024	0	F!F8642
RCEP F	2025	2025	0	F!G8642
RCEP F	2026	2026	0	F!H8642
RCEP F	2027	2027	0	F!I8642
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F7980
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G7980
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H7980
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I7980

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5906.99 có 2 dòng thuế; dòng 5906.99.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	5906.99.10 Tấm vải cao su phù hợp sử dụng tại bệnh viện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5906.99.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5906.99.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9038), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.